TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 62/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-8-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Lanh.**
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Nguyễn Văn Móm Em**.
+ Bà **Trần Thị Thu Hà.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Ngô Thị Quyên -** Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018, về tranh chấp *"ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2018/QĐXX-ST ngày 31 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thành P** – sinh năm 1972 (có mặt).

2. Bị đơn: Chị **Trần Thị Thanh T** - sinh năm 1969 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp M, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/3/2018 tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Thành P trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Thanh T do quen biết tự tìm hiểu nhau rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 1991 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiếu Thuận vào ngày 30/12/2002.

Sau ngày cưới anh và chị T sống chung gia đình cha mẹ ruột của anh. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 20 năm đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp nên đời sống vợ chồng không hạnh phúc nhưng vì con vợ chồng cố gắng sống với nhau để lo cho con nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Anh và chị T đã không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2017 cho đến nay.

Nay anh cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Thanh T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng G, sinh ngày 10/5/1992 và cháu Nguyễn Thành S, sinh năm 1993. Cháu G và cháu S đã thành niên nên anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị Thanh T đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng. Theo đơn xin xác nhận của Công An xã Hiếu Thuận ngày 01/3/2018 do anh P cung cấp thì chị Trần Thị Thanh T**,** sinh năm 1969 ấp Quang Mỹ, xã Hiếu Thuận, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long có mặt tại địa phương nhưng chị T không đến Tòa án để tham gia phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa. Xét việc vắng mặt của chị T không gây trở ngại cho việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện ngày 02/3/2018, Giấy trích lục kết hôn; giấy khai sinh (bản sao); Văn bản về việc xác nhận kết quả yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch; sổ hộ khẩu (bản sao); Đơn xin xác nhận; Dịch vụ chuyển phát nhanh.

Bị đơn vắng nên không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Thành P có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân giữa anh và chị Trần Thị Thanh T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Trần Thị Thanh T vắng mặt, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho chị T nhưng chị T cũng không đến. Nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Trần Thị Thanh T.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thành P và chị Trần Thị Thanh T do quen biết tự tìm hiểu nhau rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 1991 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiếu Thuận vào ngày 30/12/2002 nên quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo anh P trình bày thì thời gian anh chị chung sống hạnh phúc được 20 năm đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp anh chị có tìm cách hàn gắn nhưng không được, anh P và chị T không còn sống chung từ đầu năm 2017 cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay anh P yêu cầu ly hôn với chị T, chị T vắng mặt nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thành P.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng G, sinh ngày 10/5/1992 và cháu Nguyễn Thành S, sinh năm 1993. Cháu G và cháu S đã thành niên, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thành P không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Trần Thị Thanh T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh Nguyễn Thành P không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Trần Thị Thanh T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Thành P phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thành P.

Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Thành P được ly hôn với chị Trần Thị Thanh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng G, sinh ngày 10/5/1992 và cháu Nguyễn Thành S, sinh năm 1993. Cháu G và cháu S đã thành niên, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thành P không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Trần Thị Thanh T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh Nguyễn Thành P không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Trần Thị Thanh T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Thành P phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà anh Nguyễn Thành P đã nộp theo biên lai thu số N^{0} 0008774, ngày 29/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Anh Nguyễn Thành P đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Hiếu Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh